ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ &QUẢN TRỊ KINH DOANH**

----------------------------



**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN**

**Học phần:** **Luật kinh tế căn bản**

**Mã số: ELA 231**

**Số tín chỉ: 03**

**Giảng dạy cho CTĐT: Quản trị Marketing**

**Khoa: Quản lý – Luật kinh tế**

**Bộ môn phụ trách: Luật kinh tế**

**Thái Nguyên, 2022**

|  |  |
| --- | --- |
| TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ &QTKD**KHOA**: **Quản lý - Luật kinh tế****Bộ môn phụ trách**: **Luật kinh tế**  |  |

**ĐỀ C­ƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN**

**1. Tên học phần:** **Luật kinh tế căn bản Mã học phần**: **ELA231**

**2. Tên Tiếng Anh: Basic Economic Law**

**3. Số tín chỉ: 03** **tín chỉ (36/18/108)**

Phân bổ thời gian: 15 tuần (36 tiết lý thuyết + 18 thảo luận + 108 tiết tự học)

**Giảng dạy cho CTĐT: Quản trị Marketing**

**4. Điều kiện tham gia học tập học phần**

 Học phần tiên quyết: Không

 Học phần học trước: Pháp luật đại cương

 Học phần song hành Khác: Không

**5. Các giảng viên phụ trách học phần**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Học hàm, học vị, họ tên** | **Số điện thoại** | **Email** | **Ghi chú** |
| 1 | TS. Nguyễn Thị Phương Thúy | 0912700339 | phuongthuy.lkt@tueba.edu.vn |  |
| 2 | TS. Trần Thùy Linh | 0989761083 | dngbaolinh2@gmail.com |  |
| 3 | ThS. Nguyễn Quang Huy | 0983995035 | nguyenquanghuy@tueba.edu.vn |  |
| 4 | ThS. Đỗ Hoàng Yến | 0989252828 | Hoangyen246@gmail.com |  |
| 5 | ThS. Hoàng Thị Lệ Mỹ | 0976796055 | hoanglemy88@gmail.com |  |
| 6 | ThS. Âu T. Diệu Linh | 0386684456 | dieulinh2710@gmail.com |  |

**6. Mô tả học phần:**

Học phần Luật kinh tế căn bản thuộc khối kiến thức cơ sở ngành, cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản và thiết thức về pháp luật kinh tế trong nền kinh tế thị trường như: Khái quát chung về luật kinh tế; vấn đề thành lập, tổ chức, hoạt động, quyền và nghĩa vụ của các chủ thể kinh doanh; hợp đồng trong kinh doanh thương mại; giải quyết tranh chấp trong kinh doanh thương mại, pháp luật về phá sản; pháp luật lao động... Ngoài ra, học phần này cũng cung cấp khả năng vận dụng kiến thức đã học để tránh được những hành vi vi phạm pháp luật khi hoạt động kinh doanh, biết lựa chọn các mô hình kinh doanh thích hợp và sử dụng các công cụ pháp lý để tiến hành kinh doanh một cách có hiệu quả và bảo vệ hữu hiệu quyền và lợi ích hợp pháp của mình. .

**7. Mục tiêu học phần (Course Objectives - COs)**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Mục tiêu** | **Mô tả***Học phần này trang bị cho sinh viên:* | **Chuẩn đầu ra****CTĐT** | **Trình độ năng lực** |
| CO1 | Những kiến thức pháp lý cơ bản về quan hệ pháp luật kinh tế | - PLO1: 1.1; 1.2 CTĐT Quản trị Marketing | 3 |
| CO2 | Kỹ năng phân tích, lập luận và vận dụng các quy định pháp luật kinh tế giải quyết các vấn đề thực tiễn liên quan đến nội dung học phần. | - PLO2: 2.4 CTĐT Quản trị Marketing  | 3 |
| CO3 | Khả năng làm việc độc lập và theo nhóm để phân tích giải quyết các vấn đề liên quan đến quan hệ pháp luật kinh tế, bước đầu rèn luyện phẩm chất đạo đức nghề nghiệp. | - PLO3: 3.1; 3.2 CTĐT Quản trị Marketing  | 3 |

**8. CĐR của học phần (Course Learning Outcomes - CLOs)**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **CĐR học phần** | **Mô tả***Sau khi học xong học phần này, người học có thể:* | **CĐR CTĐT** | **Trình độ năng lực** |
| CLO1 | Hiểu những vấn đề pháp lý cơ bản về các chủ thể kinh doanh; quy định pháp luật về quan hệ hợp đồng và giải quyết tranh chấp trong kinh doanh thương mại; quy định pháp luật về phá sản để giải quyết các vấn đề pháp luật phát sinh trong hoạt động kinh doanh | - PLO1: 1.1; 1.2 CTĐT Quản trị Marketing | 2 |
| CLO2 | Có kỹ năng tra cứu, tìm kiếm và cập nhật các văn bản pháp luật mới liên quan đến lĩnh vực pháp luật kinh tế | - PLO1: 1.1; 1.2 CTĐT Quản trị Marketing | 3 |
| CLO3 | Có kỹ năng so sánh, bình luận, đánh giá các vấn đề của luật kinh tế. |  - PLO2: 2.4 CTĐT Quản trị Marketing  | 3 |
| CLO4 | Áp dụng các kiến thức đã học để phân tích, bình luận các vấn đề của luật kinh tế để giải quyết các tình huống thực tiễn | - PLO2: 2.4 CTĐT Quản trị Marketing  | 3 |
| CLO5 | Làm chủ được quá trình giao tiếp, khả năng tự tin trình bày và bảo vệ quan điểm, truyền đạt vấn đề; có khả năng làm việc độc lập, làm việc theo nhóm; Có phẩm chất đạo đức tốt, sống và làm việc theo pháp luật, có trách nhiệm công dân, trách nhiệm với công việc; chủ động học tập, nâng cao kiến thức. | - PLO3: 3.1; 3.2 CTĐT Quản trị Marketing  | 3 |

**Mối tương thích giữa CĐR học phần với Triết lý giáo dục của**

**Trường Đại học kinh tế và Quản trị kinh doanh**

|  |  |
| --- | --- |
| **Nội dung của triết lý giáo dục** | **CĐR học phần** |
| **Sáng tạo** | Đào tạo hướng tới phát huy tối đa khả năng của người học, chủ động tiếp cận và nắm bắt các cơ hội trong đời sống xã hội, trong nghề nghiệp | CLO5 |
| **Thực tiễn** | Đào tạo người học có phẩm chất đạo đức, có tri thức, kỹ năng đáp ứng yêu cầu cần thiết phù hợp với nhu cầu của xã hội hiện đại, của thị trường lao động và nhu cầu học tập tự thân của mỗi người | CLO2; CLO3; CLO4; CLO5 |
| **Hội nhập** | Đào tạo giúp người học tích lũy tri thức và kỹ năng nghề nghiệp, chủ động hội nhập quốc tế, phù hợp xu thế phát triển bền vững | CLO1; CLO2; CLO3; CLO4 |

**Ma trận mức độ đáp ứng của CĐR học phần đối với CĐR CTĐT**

Mức độ đáp ứng được mã hóa theo 3 mức từ I, R và M trong đó:

*- Mức I (Introduction): Giới thiệu (làm quen)*

*- Mức R (Reinforced): Tăng cường (củng cố)*

*- Mức M (Master): Đáp ứng đầy đủ (chuyên sâu)*

**Ma trận mức độ đáp ứng của CĐR học phần đối với CĐR**

**CTĐT Quản trị Marketing**

|  |  |
| --- | --- |
| **CĐR học phần** | **CĐR của CTĐT Quản trị Marketing** |
| **PLO1** | **PLO2** | **PLO3** |
| **1.1** | **1.2** | **1.3** | **1.4** | **1.5** | **1.6** | **1.7** | **2.1** | **2.2** | **2.3** | **2.4** | **2.5** | **3.1** | **3.2** | **3.3** |
| CLO1 | R | R |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| CLO2 | R | R |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| CLO3 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | R |  |  |  |  |
| CLO4 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | R |  |  |  |  |
| CLO5 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | I | I |  |

**9. Nhiệm vụ của sinh viên**

- Dự lớp ≥ 80 % tổng số thời lượng của học phần.

- Chuẩn bị nội dung thảo luận.

 - Hoàn thành các bài tập được giao.

 - Nghiên cứu tài liệu học tập.

**10. Tài liệu học tập**

***-*** *Sách, giáo trình chính:*

1. Nguyễn Hợp Toàn (2015), *Giáo trình Pháp luật kinh tế*, Nxb Kinh tế quốc dân, Hà Nội.

***-*** *Tài liệu tham khảo:*

2. Trường ĐH Luật Hà Nội (2014), Giáo trình Luật Thương mại tập 1, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.

 3. Trường ĐH Luật Hà Nội (2013), Giáo trình Luật Thương mại tập 2, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội, 2013

 4. Luật Doanh nghiệp năm 2020;

https://vanban.chinhphu.vn/?pageid=27160&docid=200447&classid=1&typegroupid=3

 5. Bộ luật Dân sự năm 2015;

(http://vanban.chinhphu.vn/portal/page/portal/chinhphu/hethongvanban?class\_id=1&mode=)

 6. Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015;

(http://vanban.chinhphu.vn/portal/page/portal/chinhphu/hethongvanban?class\_id=1&\_page=1&mode=detail&document\_id=183189)

 7. Luật Hợp tác xã năm 2012;

(http://www.chinhphu.vn/portal/page/portal/chinhphu/hethongvanban?class\_id=1&mode=detail&document\_id=164954)

 8. Luật Phá sản 2014;

(http://www.moj.gov.vn/vbpq/lists/vn%20bn%20php%20lut/view\_detail.aspx?itemid=29059)

 9. Luật trọng tài thương mại 2010;

(http://moj.gov.vn/vbpq/lists/vn%20bn%20php%20lut/view\_detail.aspx?itemid=25821)

 10. Nghị định 01/2021/NĐ - CP về đăng ký doanh nghiệp;

https://vanban.chinhphu.vn/default.aspx?pageid=27160&docid=202344

**11. Phương pháp giảng dạy - học tập**

***- Phương pháp giảng dạy - học tập của học phần***

Đối với học phần Luật kinh tế căn bản, Khoa Quản lý – Luật Kinh tế thực hiện các phương pháp giảng dạy - học tập chính bao gồm: Phương pháp dạy học trực tiếp, dạy học gián tiếp, dạy học tương tác, thuyết trình và tự học cụ thể như sau:

**Chiến lược dạy học trực tiếp**

1. Thuyết trình: Giáo viên trình bày nội dung bài học và giải thích các nội dung trong bài giảng. Giáo viên là người thuyết trình, diễn giảng. Sinh viên chỉ nghe giảng và thình thoảng ghi chú để tiếp nhận các kiến thức mà giáo viên truyền đạt.

2. Giải thích cụ thể: Giáo viên hướng dẫn và giải thích chi tiết cụ thể các nội dung liên quan đến bài học, giúp cho sinh viên đạt được mục tiêu dạy học về kiến thức và kỹ năng.

**Chiến lược dạy học gián tiếp**

3. Câu hỏi gợi mở: Giáo viên sử dụng các câu hỏi gợi mở hay các vấn đề, và hướng dẫn giúp sinh viên từng bước trả lời câu hỏi. Sinh viên có thể tham gia thảo luận theo nhóm để cùng nhau giải quyết bài toán, vấn đề đặt ra.

4. Giải quyết vấn đề: Người học làm việc với vấn đề được đặt ra và học được những kiến thức mới thông qua việc đối mặt với vấn đề cần giải quyết. Thông qua quá trình tìm giải pháp cho vấn đề đặt ra, sinh viên đạt được kiến thức và kỹ năng theo yêu cầu của môn học.

5. Học theo tình huống (Case Study): Đây là phương pháp hướng đến cách tiếp cận dạy học lấy người học làm trung tâm, giúp người học hình thành kỹ năng tư duy phản biện, giao tiếp. Theo phương pháp này, giáo viên liên hệ các tình huống, vấn đề hay thách thức trong thực tế và yêu cầu sinh viên giải quyết, giúp sinh viên hình thành kỹ năng giải quyết vấn đề, kỹ năng ra quyết định cũng như kỹ năng nghiên cứu.

**Dạy học tương tác**

6. Tranh luận: Giáo viên đưa ra một vấn đề liên quan đến nội dung bài học, sinh viên với các quan điểm trái ngược nhau về vấn đề đó phải phân tích, lý giải, thuyết phục người nghe ủng hộ quan điểm của mình. Thông qua hoạt động dạy học này, sinh viên hình thành các kỹ năng như tư duy phản biện, thương lượng và đưa ra quyết định hay kỹ năng nói trước đám đông.

7. Thảo luận: Sinh viên được chia thành các nhóm và tham gia thảo luận về những quan điểm cho một vấn đề nào đó được giáo viên đặt ra. Khác với phương pháp tranh luận, trong phương pháp thảo luận, người học với cùng quan điểm mục tiêu chung và tìm cách bổ sung để hoàn thiện quan điểm, giải pháp của mình.

8. Học nhóm: Sinh viên được tổ chức thành các nhóm nhỏ để cùng nhau giải quyết các vấn đề được đặt ra và trình bày kết quả của nhóm thông qua báo cáo hay thuyết trình trước các nhóm khác và giảng viên.

**Tự học:** tất cả các hoạt động học của người học được thực hiện bởi các cá nhân người học với rất ít hoặc không có sự hướng dẫn của giáo viên. Sinh viên tự định hướng việc học của mình theo kinh nghiệm học tập của bản thân, có quyền tự chủ và điều khiển hoạt động học của họ thông qua các bài tập, dự án hay vấn đề mà giáo viên gợi ý, hướng dẫn ở lớp. Phương pháp học theo chiến lược này được áp dụng chủ yếu là phương pháp bài tập ở nhà (Work Assigment).

9. Bài tập ở nhà: Theo phương pháp này, sinh viên được giao nhiệm vụ làm việc ở nhà với những nội dung và yêu cầu do giáo viên đặt ra. Thông qua việc hoàn thành các nhiệm vụ được giao ở nhà, sinh viên học được cách tự học, cũng như đạt được những nội dung về kiến thức cũng như kỹ năng theo yêu cầu.

**- Ma trận quan hệ giữa chuẩn đầu ra học phần và phương pháp giảng dạy - học tập**

| **Các CĐR của học phần** | **Trình độ năng lực** |  |  | **Phương pháp giảng dạy - học tập** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Thuyết trình | Giải thích cụ thể | Câu hỏi gợi mở | Giải quyết vấn đề | Học theo tình huống | Tranh luận | Thảo luận | Học nhóm | Bài tập ở nhà |
| CLO1 | **2** | x | x | x |   |  |  x | x  | x  |   |
| CLO2 | **3** | x | x | x | x | x | x | x | x | x |
| CLO3 | **3** | x | x | x | x | x | x | x | x | x |
| CLO4 | **3** |  |  | x | x | x | x | x | x | x |
| CLO5 | **3** |  |  | x | x | x | x | x | x | x |

**12. Nội dung giảng dạy chi tiết**

| **Tiết** | **Nội dung giảng dạy***(Ghi chi tiết đến từng mục nhỏ của từng chương)* | **CĐR học phần** *(CĐR đạt được khi kết thúc chương)* | **Đáp ứng CĐR CTĐT và mức độ đáp ứng sau khi kết thúc chương** | **Phương pháp giảng dạy** **học tập** | **Phương pháp đánh giá** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 1 | **Giới thiệu học phần:**-Mục tiêu của HP-Đề cương của HP |  |  | Thuyết trình, Giải thích cụ thể |  |
| 2, 3  | Chương 1. Khái quát chung về Luật kinh tế**A/ Các nội dung ở trên lớp:**1.1. Khái quát chung về Luật kinh tế*1.1.1. Quan niệm về Luật kinh tế trong nền kinh tế thị trường**1.1.2. Vai trò của luật kinh tế* 1.2. Quan hệ pháp luật kinh tế*1.2.1. Chủ thể của quan hệ pháp luật kinh tế**1.2.2. Khách thể của quan hệ pháp luật kinh tế**1.2.3. Nội dung quan hệ pháp luật kinh tế*1.3. Nguồn của Luật Kinh tế1.4. Khái quát về cơ quan quản lý Nhà nước về kinh tế | CLO1CLO2 | - 1.1; 1.2/(R) CTĐT Quản trị Marketing | Thuyết trình,Giải thích cụ thể,Câu hỏi gợi mở | Đánh giá chuyên cần |
|  | **B/ Các nội dung tự học ở nhà:**+ Nghiên cứu câu hỏi ôn tập chương 1 được giao+ Chuẩn bị các nội dung của chương 2 | Thảo luận, học nhóm  |
| 4,5,6, 7, 8  | **Chương 2. Quy chế pháp lý chung về thành lập và hoạt động của doanh nghiệp****A/ Các nội dung ở trên lớp:**2.1. Khái quát chung về doanh nghiệp*2.1.1. Khái niệm, đặc điểm của doanh nghiệp**2.1.2. Phân loại doanh nghiệp*2.2. Thành lập doanh nghiệp*2.2.1. Điều kiện thành lập doanh nghiệp**2.2.2. Thủ tục thành lập doanh nghiệp*2.3. Tổ chức lại, giải thể doanh nghiệp2.4. Quyền và nghĩa vụ cơ bản của doanh nghiệp | CLO1; CLO2;CLO3  | - 1.1; 1.2/(R) CTĐT Quản trị Marketing | Thuyết trình,Giải thích cụ thể,Câu hỏi gợi mở,Giải quyết vấn đề,Tranh luận, | Đánh giá chuyên cần |
|  | **B/ Các nội dung tự học ở nhà:**+Nghiên cứu câu hỏi và bài tập chương 2 được giao+Chuẩn bị các nội dung của chương 3 | Thảo luận, học nhóm, bài tập ở nhà  |
| 9,10, 11 | Thảo luận chương 1, 2 | CLO1; CLO2; CLO3;CLO4 | - 1.1, 1.2, 2.4/(R); 3.1, 3.2/(I) CTĐT Quản trị Marketing | Tranh luận,Thảo luận | Đánh giá chuyên cần, bài tập cá nhân  |
| 12,13, 14, 15, 16, 17, 18, 19, 20, 21 | Chương 3. Pháp luật về Doanh nghiệp tư nhân và công ty**A/ Các nội dung ở trên lớp:**3.1. Doanh nghiệp tư nhân3.2. Công ty*3.2.1. Khái quát chung về công ty**3.2.2. Công ty hợp danh**3.2.3. Công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên* *3.2.4. Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên* *3.2.5. Công ty Cổ phần*3.3. Một số quy định riêng về doanh nghiệp Nhà nước và doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài*3.3.1. Doanh nghiệp Nhà nước* *3.3.2. Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài*3.4. Tổng công ty và Tập đoàn kinh tế | CLO1; CLO2;CLO3;CLO4 | - 1.1; 1.2/(R) CTĐT Quản trị Marketing | Thuyết trình,Giải thích cụ thể,Câu hỏi gợi mở,Giải quyết vấn đề,Tranh luận, | Kiểm tra thường xuyên, Đánh giá chuyên cần |
|  | **B/ Các nội dung tự học ở nhà:**+Nghiên cứu câu hỏi và bài tập chương 3 được giao+Chuẩn bị các nội dung của chương 4 | Thảo luận, học nhóm, bài tập ở nhà |
| 22, 23, 24, 25, 26,27 | **Thảo luận chương 3** | CLO1; CLO2;CLO3;CLO4;CLO5 | - 1.1, 1.2, 2.4/(R); 3.1, 3.2/(I) CTĐT Quản trị Marketing | Thảo luận, học nhóm | Đánh giá chuyên cần; Thuyết trình nhóm; bài tập cá nhân |
| 28 | Kiểm tra giữa kì | CLO1; CLO2;  | - 1.1; 1.2/(R) CTĐT Quản trị Marketing |  | Kiểm tra viết |
| 29, 30, 31 | Chương 4. Pháp luật về các chủ thể kinh doanh khác**A/ Các nội dung ở trên lớp:**4.1. Hợp tác xã*4.1.1. Khái niệm, đặc điểm của hợp tác xã**4.1.2. Chế độ pháp lý về vốn và tài chính của hợp tác xã**4.1.3. Thành lập và giải thể hợp tác xã**4.1.4. Tổ chức, quản lý hợp tác xã**4.1.5. Quy chế pháp lý về thành viên hợp tác xã*4.2. Hộ kinh doanh*4.2.1. Khái niệm và đặc điểm pháp lý của hộ kinh doanh**4.2.2. Đăng ký kinh doanh đối với hộ kinh doanh*4.3. Tổ hợp tác*4.3.1. Khái niệm và đặc điểm pháp lý của tổ hợp tác**4.3.2. Đăng ký kinh doanh đối với tổ hợp tác*4.4. Cá nhân hoạt động thương mại không phải đăng ký kinh doanh | CLO1; CLO2;CLO3 | - 1.1; 1.2/(R) CTĐT Quản trị Marketing | Thuyết trình,Giải thích cụ thể,Câu hỏi gợi mở,Giải quyết vấn đề,Tranh luậng | Đánh giá chuyên cần |
|  | **B/ Các nội dung tự học ở nhà:**+Nghiên cứu câu hỏi và bài tập chương 4 được giao+Chuẩn bị các nội dung của chương 5+ Ôn tập kiểm tra giữa kỳ | Thảo luận, học nhóm, bài tập ở nhà |
| 32 | **Thảo luận chương 4** | CLO1;CLO2;CLO3;CLO4 | - 1.1, 1.2, 2.4/(R); 3.1, 3.2/(I) CTĐT Quản trị Marketing | Tranh luận,Thảo luận | Đánh giá chuyên cần |
| 33,34, 35, 36, 37, 38, 39 | *Chương 5. Pháp luật về hợp đồng trong kinh doanh thương mại****A/ Các nội dung ở trên lớp:****5.1. Khái quát chung về hợp đồng và pháp luật về hợp đồng trong thương mại**5.1.1. Khái niệm hợp đồng và hợp đồng trong thương mại**5.1.2. Đặc điểm của hợp đồng trong thương mại**5.1.3. Luật áp dụng trong quan hệ hợp đồng**5.2. Những quy định chung về hợp đồng trong thương mại* *5.2.1. Giao kết và thực hiện hợp đồng trong thương mại**5.2.2. Các biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng trong thương mại**5.2.3. Sửa đổi, chấm dứt hợp đồng trong thương mại**5.2.4. Trách nhiệm pháp lý do vi phạm hợp đồng trong thương mại* | CLO1; CLO2;  | - 1.1; 1.2/(R) CTĐT Quản trị Marketing | Thuyết trình,Giải thích cụ thể,Câu hỏi gợi mở,Giải quyết vấn đề,Tranh luận | Kiểm tra thường xuyên, đánh giá chuyên cần |
|  | **B/ Các nội dung tự học ở nhà:**+ Nghiên cứu câu hỏi và bài tập chương 5 được giao+Tự học nội dung của chương 6 |  |  | Thảo luận, học nhóm, bài tập ở nhà |  |
| 40, 41, 42, 43 | Chương 6. Pháp luật về giải quyết tranh chấp trong kinh doanh thương mại**A/ Các nội dung ở trên lớp:**6.1. Khái quát chung về tranh chấp trong thương mại*6.1.1. Khái niệm, đặc điểm của giải quyết tranh chấp trong thương mại**6.1.2. Các hình thức giải quyết tranh chấp trong thương mại*6.2. Giải quyết tranh chấp trong thương mại bằng trọng tài thương mại*6.2.1. Các hình thức trọng tài**6.2.2. Các nguyên tắc giải quyết tranh chấp trong thương mại bằng trọng tài thương mại**6.2.3. Thẩm quyền giải quyết tranh chấp của trọng tài thương mại**6.2.4. Thủ tục giải quyết tranh chấp thương mại bằng trọng tài thương mại*6.3. Giải quyết tranh chấp trong thương mại tại toà án *6.3.1. Các nguyên tắc giải quyết tranh chấp trong thương mại tại tòa án**6.3.2. Thẩm quyền giải quyết tranh chấp thương mại của tòa án**6.3.3. Thủ tục giải quyết tranh chấp thương mại tại tòa án* | CLO1; CLO2;  | - 1.1; 1.2/(R) CTĐT Quản trị Marketing | Thuyết trình,Giải thích cụ thể,Câu hỏi gợi mở,Giải quyết vấn đề,Tranh luận | Đánh giá chuyên cần |
|  | **B/ Các nội dung tự học ở nhà:**+ Nghiên cứu câu hỏi chương 6 được giao+Tự học nội dung của chương 7 |  |  | Thảo luận, học nhóm, bài tập ở nhà |  |
| 44, 45, 46, 47, 48 | **Thảo luận chương 5,6**  | CLO1;CLO2;CLO3;CLO4;CLO5 | - 1.1, 1.2, 2.4/(R); 3.1, 3.2/(I) CTĐT Quản trị Marketing | Thảo luận, học nhóm | Đánh giá chuyên cần; Thuyết trình nhóm; bài tập cá nhân |
| 49, 50, 51 | Chương 7: Pháp luật về phá sản**A/ Các nội dung ở trên lớp:**7.1. Khái quát chung về phá sản và pháp luật phá sản*7.1.1. Khái niệm và bản chất của phá sản**7.1.2. Đối tượng áp dụng luật phá sản**7.1.3. Thẩm quyền giải quyết phá sản*7.2. Thủ tục phá sản*7.2.1. Nộp đơn yêu cầu và mở thủ tục phá sản**7.2.2. Hội nghị chủ nợ và thủ tục phục hồi kinh doanh**7.2.3. Tuyên bố phá sản**7.2.4. Thi hành quyết định tuyên bố phá sản* | CLO1; CLO2; CLO3; CLO4 | - 1.1; 1.2/(R) CTĐT Quản trị Marketing | Thuyết trình,Giải thích cụ thể,Câu hỏi gợi mở,Giải quyết vấn đề,Tranh luận | Kiểm tra thường xuyên; đánh giá chuyên cần |
|  | **B/ Các nội dung tự học ở nhà:**+ Nghiên cứu câu hỏi và bài tập chương 7 được giao |  |  | Thảo luận, học nhóm, bài tập ở nhà |  |
| 52, 53, 54 | **Thảo luận chương 7****Ôn tập cuối kỳ** | CLO1;CLO2;CLO3;CLO4;CLO5 | - 1.1, 1.2, 2.4/(R); 3.1, 3.2/(I) CTĐT Quản trị Marketing | Thảo luận, học nhóm | Đánh giá chuyên cần; Thuyết trình nhóm; Bài tập cá nhân |

**13. Phương pháp, công cụ, tiêu chí đánh giá**

***13.1. Các phương pháp đánh giá***

Các phương pháp đánh giá được sử dụng trong học phần Luật kinh tế được chia thành 3 loại chính là: đánh giá theo tiến trình, đánh giá giữa kỳ và đánh giá cuối kỳ.

**\* Đánh giá tiến trình:**

Mục đích của đánh giá tiến trình là nhằm cung cấp kịp thời các thông tin phản hồi của người dạy và người học về những tiến bộ cũng như những điểm cần khắc phục xuất hiện trong quá trình dạy học.

Các phương pháp đánh giá cụ thể với loại đánh giá tiến trình gồm: đánh giá chuyên cần, đánh giá bài tập nhóm và kiểm tra thường xuyên.

**\* Đánh giá giữa kỳ:**

Mục đích của loại đánh giá này là đưa ra những kết luận, phân hạng về mức độ đạt được mục tiêu và chất lượng đầu ra, sự tiến bộ của người học tại thời điểm giữa học kỳ. Phương pháp đánh giá giữa học kỳ là Kiểm tra viết.

**\* Đánh giá cuối kỳ:**

Mục đích của loại đánh giá này là đưa ra những kết luận, phân hạng về mức độ đạt được mục tiêu và chất lượng đầu ra, sự tiến bộ của người học tại thời điểm cuối học kỳ. Các phương pháp đánh giá cuối kỳ sử dụng là kiểm tra viết.

***13.2. Công cụ, tiêu chí đánh giá***

**\* Ma trận đánh giá chuẩn đầu ra**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **CĐR học phần** | **Trình độ năng lực** | **Thường xuyên (30%)** | **Giữa học phần (20%)** | **Kết thúc học phần (50%)** |
| CLO1 | **2** | x | x | x |
| CLO2 | **3** | x | x | x |
| CLO3 | **3** | x | x | x |
| CLO4 | **3** | x | x | x |
| CLO5 | **3** | x |   |  |

**\* Đánh giá học phần**

**Tiêu chí đánh giá 1: Đánh giá chuyên cần**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Tiêu chí** | **Trọng số (%)** | **Điểm** |
| **10** | **9** | **8** | **7** | **6** | **5** | **0** |
| Tham gia tiết học | 50 | Đủ | Nghỉ <5% tổng số tiết | Nghỉ từ 5% đến <10% tổng số tiết | Nghỉ từ 10% đến <15%tổng số tiết | Nghỉ từ 15% đến 20%tổng số tiết | Sinh viên  nghỉ học >20% không được tham dự thi kết thúc HPtổng số tiết- |
| Đi học | 10 | Đúng giờ | Muộn: 1 tiết | Muộn:2 tiết | Muộn:3 tiết | Muộn: 4 tiết | Muộn 5 tiết | Muộn từ 6 tiết trở lên |
| Phát biểu | 40 | Trên 5 lần | 4 lần | 3 lần | 2 lần | 1 lần | 0 lần |  |

**Tiêu chí đánh giá 2: Bài tập nhóm/Thảo luận nhóm**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Tiêu chí** | **Trọng số (%)** | **Điểm** |
| **10** | **9** | **8** | **7** | **6** | **5** | **0** |
| Làm việc nhóm | 20 | Thường xuyên và tích cực làm việc nhóm. Nộp bài tập nhóm đúng thời hạn | Thường xuyên làm việc nhóm. Nộp bài tập nhóm đúng thời hạn | Có tham gia làm việc nhóm. Nộp bài tập đúng hạn | Thỉnh thoảng làm việc nhóm.Nộp bài tập nhóm đúng thời hạn | Có tham gia làm việc nhóm. Nộp bài tập nhóm muộn hạn | Có tham gia làm việc nhóm. Nộp bài tập nhóm muộn và thiếu | Không tham gia làm việc nhóm. Không nộp bài tập nhóm |
| Trình bày bài tập | 20 | Bài tập trình bày đẹp, đầy đủ, đúng yêu cầu, logic. Căn cứ, cơ sở pháp lý sử dụng trong bài tập rõ ràng, khoa học. Ghi chú, giải thích cụ thể, hợp lý | Bài tập trình bày đẹp, đầy đủ, đúng yêu cầu, logic. Căn cứ, cơ sở pháp lý sử dụng trong bài tập rõ ràng, khoa học.  | Bài tập trình bày đúng yêu cầu. Căn cứ, cơ sở pháp lý rõ ràng, phù hợp. Còn một số lỗi nhỏ trong trình bày | Bài tập trình bày đúng yêu cầu. Căn cứ, cơ sở pháp lý chưa rõ ràng, phù hợp. Còn tương đối nhiều lỗi chính tả, lỗi trình bày | Bài tập trình bày chưa đúng yêu cầu. Căn cứ, cơ sở pháp lý còn có chỗ chưa đúng yêu cầu. | Bài tập trình bày lộn xộn, không đúng yêu cầu. Căn cứ, cơ sở pháp lý sử dụng trong bài tập không phù hợp | Không có bài tập |
| Nội dung bài tập | 60 | Nội dung bài tập đầy đủ, hợp lý, đúng theo yêu cầu nhiệm vụ và thuyết trình rất tốt theo yêu cầu. Nội dung logic, chi tiết và rõ ràng, hoàn toàn hợp lý. | Nội dung bài tập đầy đủ, hợp lý, đúng theo yêu cầu nhiệm vụ và thuyết trình tốt theo yêu cầu. Nội dung đúng, rõ ràng. | Nội dung bài tập đầy đủ, hợp lý, đúng theo yêu cầu nhiệm vụ và thuyết trình chưa tốt theo yêu cầu. Nội dung đúng, rõ ràng. | Nội dung bài tập đầy đủ, đúng với yêu cầu nhiệm vụ nhưng chưa hợp lý và thuyết trình chưa tốt theo yêu cầu. Còn một số sai sót trong nội dung | Nội dung bài tập không đầy đủ và không thuyết trình được theo yêu cầu. Một số không đúng theo yêu cầu nhiệm vụ | Nội dung bài tập không đầy đủ và không thuyết trình được theo yêu cầu. Nhiều không đúng theo yêu cầu nhiệm vụ | Không có bài tập |

**Tiêu chí đánh giá 3: Bài tập cá nhân**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Tiêu chí** | **Trọng số (%)** | **Điểm** |
| **10** | **9** | **8** | **7** | **6** | **5** | **0** |
| Nộp bài tập | 20 | Nộp bài tập đầy đủ (100% khối lượng được giao). Đúng thời gian quy định | Nộp bài tập đầy đủ (100% khối lượng được giao). Hầu hết bài tập nộp đúng thời gian quy định | Nộp bài tập đầy đủ (100% khối lượng được giao). Một số bài tập nộp chưa đúng thời gian quy định | Nộp bài tập đạt 70% khối lượng được giao. Một số bài chưa đúng thời gian quy định | Nộp bài tập đạt 60% khối lượng được giao. Tất cả các bài chưa đúng thời gian quy định | Nộp bài tập đạt 50% khối lượng được giao. Tất cả các bài chưa đúng thời gian quy định | Không nộp bài tập |
| Trình bày bài tập | 20 | Bài tập trình bày đẹp, đúng yêu cầu. Căn cứ, cơ sở pháp lý đầy đủ, rõ ràng, chính xác | Bài tập trình bày đẹp, đúng yêu cầu. Căn cứ, cơ sở pháp lý đầy đủ, rõ ràng, chính xác. Còn một số lỗi nhỏ trong trình bày | Bài tập trình bày đẹp, đúng yêu cầu. Căn cứ, cơ sở pháp lý chưa đầy đủ. Còn một số lỗi trong trình bày | Bài tập trình bày đúng yêu cầu. Căn cứ, cơ sở pháp lý sử dụng trong bài tập chưa phù hợp. Còn một số lỗi chính tả, lỗi trình bày | Bài tập trình bày đúng yêu cầu. Căn cứ, cơ sở pháp lý sử dụng trong bài tập chưa phù hợp. Còn nhiều lỗi chính tả, lỗi trình bày | Bài tập trình bày lộn xộn, không đúng yêu cầu. Căn cứ, cơ sở pháp lý dụng trong bài tập không phù hợp | Không có bài tập |
| Nội dung bài tập | 60 | Nội dung bài tập đầy đủ, hợp lý, đúng theo yêu cầu nhiệm vụ. Nội dung logic, chi tiết và rõ ràng, hoàn toàn hợp lý | Nội dung bài tập đầy đủ, hợp lý, đúng theo yêu cầu nhiệm vụ. Nội dung đúng, rõ ràng | Nội dung bài tập đầy đủ, hợp lý, đúng theo yêu cầu nhiệm vụ. Còn một số sai sót nhỏ trong nội dung | Nội dung bài tập đầy đủ, có nội dung chưa đúng với yêu cầu nhiệm vụ nhưng chưa hợp lý. Còn sai sót trong nội dung | Nội dung bài tập không đầy đủ, một số nội dung không đúng theo yêu cầu nhiệm vụ | Nội dung bài tập không đầy đủ, nhiều nội dung không đúng theo yêu cầu nhiệm vụ | Không có bài tập |

**Tiêu chí đánh giá 4: Kiểm tra viết**

***Đánh giá điểm giữa kỳ:*** Bài kiểm tra viết 50 phút theo thang điểm 10 dựa trên đề và đáp án được thiết kế sẵn của Bộ môn.

***Đánh giá điểm thi kết thúc học phần:*** Bài kiểm tra viết 90 phút theo thang điểm 10 dựa trên đề và đáp án từ Bộ ngân hàng câu hỏi.

***13.3. Hệ thống tính điểm***

Điểm học phần được đánh giá theo thang điểm 10 sau đó quy đổi sang thang điểm chữ.

 Điểm học phần là tổng điểm của tất cả các điểm đánh giá bộ phận của học phần nhân với trọng số tương ứng. Điểm học phần làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó được chuyển thành điểm chữ.

 Điểm đánh giá bộ phận gồm:

+ Điểm kiểm tra thường xuyên: 30%

+ Điểm thi giữa học phần: 20%

+ Điểm thi kết thúc học phần: 50%

***13.4. Kế hoạch kiểm tra, đánh giá***

| **Hình thức kiểm tra/****đánh giá** | **Nội dung** | **Thời điểm** | **CĐR học phần được đánh giá** | **Đáp ứng CĐR CTĐT và mức độ đáp ứng sau khi kết thúc chương** | **Phương pháp đánh** **giá** | **Công cụ đánh giá** | **Tỷ lệ %** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|
|
|
| Chuyên cần | Theo Tiêu chí đánh giá 1 | Theo Tiêu chí đánh giá 1 | CLO5 | - 3.1, 3.2/(I) CTĐT Quản trị Marketing | Theo Tiêu chí đánh giá 1 | Theo Tiêu chí đánh giá 1 | **5** |
| Bài tập nhóm/ Thảo luận nhóm | Theo Tiêu chí đánh giá 2 | Theo Tiêu chí đánh giá 2 | CLO1; CLO2; CLO3;CLO4;CLO5 | - 1.1, 1.2, 2.4/(R); 3.1, 3.2/(I) CTĐT Quản trị Marketing | Theo Tiêu chí đánh giá 2 | Theo Tiêu chí đánh giá 2 | **5** |
| Bài tập cá nhân  | Theo Tiêu chí đánh giá 3 | Theo Tiêu chí đánh giá 3 | CLO1; CLO2; CLO3;CLO4;CLO5 | - 1.1, 1.2, 2.4/(R); 3.1, 3.2/(I) CTĐT Quản trị Marketing | Theo Tiêu chí đánh giá 3 | Theo Tiêu chí đánh giá 3 | **5** |
| Kiểm tra thường xuyên | Chương 1,2 | Tiết 15 | CLO1; CLO2;CLO4 | - 1.1, 1.2/(R) CTĐT Quản trị Marketing | Viết | Đề kiểm tra | **5** |
| Chương 3,4 | Tiết 36 | CLO1; CLO2;CLO4  | - 1.1, 1.2/(R) CTĐT Quản trị Marketing | Viết | Đề kiểm tra | **5** |
| Chương 5, 6, 7 | Tiết 50 | CLO1; CLO2;CLO3;CLO4  | - 1.1, 1.2/(R) CTĐT Quản trị Marketing | Viết | Đề kiểm tra | **5** |
| Kiểm tra giữa học phần | Chương 1,2,3,4 | Tiết 28 | CLO1; CLO2;CLO4  | - 1.1/(R); 3.2/(I) CTĐT Quản trị Marketing | Viết | Đề kiểm tra | **20** |
| Thi kết thúc học phần | Nội dung bao quát tất cả các CĐR quan trọng của môn học. | Theo KH của phòng ĐT | CLO1; CLO2;CLO3;CLO4  | - 1.1/(R); 3.2/(I) CTĐT Quản trị Marketing | Viết | Đề thi | **50** |
| Thời gian làm bài 90 phút. *(Được sử dụng Văn bản quy phạm pháp luật).* |

***13.5. Bảng đối chiếu các CĐR học phần được đánh giá***

| **CĐR học phần** | **Hình thức kiểm tra, đánh giá** | **Phương pháp/Công cụ kiểm tra, đánh giá** |
| --- | --- | --- |
| **Chuyên cần**  | **Bài tập nhóm/Thảo luận nhóm**  | **Bài tập cá nhân**  | **Bài kiểm tra TX**  | **Đánh giá Giữa kỳ**  | **Đánh giá Cuối kỳ**  | **Câu hỏi** | **Bài tập** | **Điểm số**  |
| CLO1 | x | x |   | x | x | x | x |   | x |
| CLO2 | x | x | x | x | x |  x | x | x | x |
| CLO3 | x | x | x | x | x | x | x | x | x |
| CLO4 | x | x | x | x | x | x | x | x | x |
| CLO5 | x | x | x |   |   |   | x | x |  |

**14. Các yêu cầu đối với sinh viên**

Sinh viên phải tự mình thực hiện các bài tập và câu hỏi ở nhà. Nếu bị phát hiện có sao chép thì xử lý các sinh viên có liên quan bằng hình thức đánh giá **0** (không) điểm quá trình.

Sinh viên cần có ứng xử chuẩn mực với giảng viên và bạn bè trên lớp, tuân thủ nội quy, quy chế trong lớp học của nhà trường, đảm bảo tham gia trên lớp tối thiểu 80% tổng thời của lớp học.

**15. Ngày phê duyệt lần đầu:**

**16. Cấp phê duyệt:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Trưởng khoa****TS. Đàm Thanh Thủy** | **Trưởng Bộ môn****TS. Nguyễn T. Phương Thúy** | **Nhóm biên soạn****ThS. Nguyễn Quang Huy** |

**16. Tiến trình cập nhật ĐCCT**

|  |  |
| --- | --- |
| **Lần 1:** Tóm tắt nội dung cập nhật ĐCCT lần 1: ngày tháng năm | **<**người cập nhật ký và ghi rõ họ tên)Trưởng Bộ môn: |
| **Lần 2:** Tóm tắt nội dung cập nhật ĐCCT lần 2: ngày tháng năm | **<**người cập nhật ký và ghi rõ họ tên)Trưởng Bộ môn: |